

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ - ST
Ngày 22 - 12 - 2023
V/v "Tranh chấp ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Châu

2. Bà Vũ Thị Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tân Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Hùng Phong – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXX - ST ngày 05 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1976 (Xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ A, khu phố C, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Nguyễn Mai Thanh T, sinh năm 1973 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ I, khu phố X, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Mai Thanh T quen biết và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/1999 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B nay là Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước, anh, chị tự nguyện kết hôn và kết hôn lần đầu. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống với gia đình anh T tại địa chỉ tổ I, ấp X, xã T, huyện B nay là tổ I, khu phố X, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi nhau dẫn đến va chạm đánh nhau nên chị Trần Thị N phải bỏ nhà ra đi, khi đi chị N dẫn theo hai con chung đi làm ăn sinh

sống ở khắp nơi và sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay xét thấy không thể tiếp tục hàn gắn, chung sống với anh T nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Mai Thanh T.

Bị đơn anh Nguyễn Mai Thanh T trình bày: Anh Nguyễn Mai Thanh T thống nhất với lời trình bày của chị Trần Thị N về thời gian chung sống, quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản chung, công nợ và mâu thuẫn gia đình. Anh T và chị Trần Thị N chung sống với nhau vào năm 1999 có đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/1999 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B nay là Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước, anh chị tự nguyện kết hôn và kết hôn lần đầu. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống với gia đình anh T tại địa chỉ tổ I, ấp X, xã T, huyện B nay là khu phố X, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi nhau dẫn đến va chạm xô xát, đánh nhau nên chị Trần Thị Ngọc d theo hai con chung bỏ nhà đi sống ở đâu không báo cho anh T và gia đình được biết. Anh T và chị N sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh T, anh T đồng ý ly hôn nhưng còn thương vợ và thương các con, từ ngày chị N dẫn hai con bỏ nhà đi đến nay anh T vẫn chưa được gặp vợ con, anh T có nguyện vọng được gặp vợ và hai con. “Nếu chị N không muốn gặp anh T thì anh T mong muốn được gặp hai con, nếu chị N đồng ý bỏ qua những mâu thuẫn trong quá khứ thì về chung sống đoàn tụ gia đình, trong trường hợp chị N không đồng ý đoàn tụ thì anh T đồng ý ly hôn”.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Nguyễn Mai Thanh T và chị Trần Thị N có 02 con chung tên Nguyễn Mai Uyên N1, sinh ngày 16/4/2000 và Nguyễn Mai Thanh T1, sinh ngày 11/8/2004 hiện nay các con đã trưởng thành và có cuộc sống tự lập, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T có nguyện vọng được gặp hai con.

Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần, quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chị Trần Thị Ngọc ly h với anh Nguyễn Mai Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N và bị đơn anh Nguyễn Mai Thanh T, anh T có địa chỉ và nơi cư trú tại tổ I, khu phố X, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp

luật là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa chị Trần Thị N vắng mặt. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho chị Trần Thị N, chị Trần Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị N theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Mai Thanh T quen biết và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B nay là Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước, anh, chị tự nguyện kết hôn và kết hôn lần đầu. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống với gia đình anh T tại địa chỉ tổ I, ấp X, xã T, huyện B nay là tổ I, khu phố X, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi nhau dẫn đến va chạm xô xát, khiến cuộc sống mất hạnh phúc, bất an, chị N đã phải bỏ nhà ra đi từ năm 2009, khi đi chị N mang 2 con, đi làm ăn sinh sống ở khắp nơi và anh, chị sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay xét thấy không thể tiếp tục hàn gắn, chung sống với anh T nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Mai Thanh T. Anh T cũng xác định là trước đây cuộc sống vợ chồng có bất hòa, xô xát, anh T có đánh vợ, việc vợ bỏ đi anh cũng đã phải đi tìm khắp nơi nhưng không thấy, anh T mong được gặp lại chị N và các con nhưng chị N từ chối, còn các con của anh, chị đã trưởng thành và có cuộc sống tự lập nên không giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh T kết hôn để xây dựng mái ấm gia đình nhưng quá trình sống chung anh, chị bất đồng quan điểm, có cãi vã, xô xát khiến gia đình mất hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay, thời gian ly thân kéo dài chị N không muốn đoàn tụ, không muốn hàn gắn gia đình nay chị N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Mai Thanh T, anh T không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương yêu vợ con nhưng tình thương đó chỉ mới là anh T nói tại phiên Tòa mà chưa được thực hiện trong cuộc sống. Xét thấy yêu cầu của chị N ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Thị Ngọc ly h anh Nguyễn Mai Thanh T

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị Trần Thị N và anh Nguyễn Mai Thanh T có 02 con chung tên Nguyễn Mai Uyên N1, sinh ngày 16/4/2000 và Nguyễn Mai Thanh T1, sinh ngày 11/8/2004. Các con đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có cuộc sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Mai Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị Ngọc c 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc ly h với anh Nguyễn Mai Thanh T.

1.2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra.

1.3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Mai Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc c 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003033 ngày 05/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND T Bình Phước;
- VKS TX Bình Long;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã;
- CCTHADS TX Bình Long;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Tùng

